

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 02/2020/DS-GĐT
Ngày 11-3-2020
*V/v “Yêu cầu xác định quyền
sử dụng tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long và ông Đặng Kim Nhân
Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11-3-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên
tòa giám đốc thẩm xét xử vụ việc dân sự “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng
tài sản*”:

1. Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đinh Xuân H, sinh năm 1975; cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P,
huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Ông Đinh Thanh D, sinh năm 1953;

- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1975;

- Bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1977;

- Anh Đinh Hồng Q, sinh năm 1987;

Cùng cư trú: Tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960; bà Hà Thị H1, sinh năm 1974;
cùng cư trú: Số K D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H2, sinh năm 1964 (theo văn
bản ủy quyền ngày 14/7/2016); cư trú: Số N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bà Đặng Thị R, sinh năm 1960; cư trú: Tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1967 (theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2016); cư trú: Tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ việc những người yêu cầu là các ông (bà) Đinh Thanh D, Đinh Xuân H, Đinh Thị T, Đinh Thị Nh, Đinh Hồng Q trình bày:

Gia đình các ông, bà có tạo lập khối tài sản chung bao gồm: Diện tích đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: G 164833 ngày 27/12/1995 mang tên hộ gia đình bà Đinh Thị H (bà Đinh Thị H là vợ của ông Đinh Thanh D, hiện bà H đã qua đời vào năm 2003 do già yếu) gồm thửa đất số 87a, tờ bản đồ số 04, diện tích 42.120m² tọa lạc tại tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum và thửa đất số 17, tờ bản đồ số 06, diện tích 29.240m² tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Diện tích đất thổ cư được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 392885 ngày 22/11/2004 mang tên hộ gia đình ông Đinh Thanh D, diện tích 887,5m² gồm thửa đất số 19a + 21a, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Thông qua biên bản họp gia đình ngày 30/10/2014; biên bản họp gia đình ngày 09/02/2011 và biên bản từ chối thừa kế ngày 22/02/2016, các thành viên trong gia đình đã tự nguyện thỏa thuận thống nhất phân chia cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên trong đơn yêu cầu các ông, bà chưa xác định được cụ thể diện tích đất, sau khi Hội đồng đi xem xét đo đạc thực tế đã xác định được diện tích đất cụ thể và các ông, bà thống nhất phân chia như sau:

Thứ nhất: Đối với lô đất thổ cư có diện tích 887,5m² được chia làm 6 phần:
1. Ông Đinh Thanh D được sử dụng lô đất có diện tích 100m² thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 5m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 5m

Phía Nam giáp đất ông Đinh Hồng Q dài 20m

Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị Mừng dài 20m

2. Ông Đinh Hồng Q được sử dụng lô đất có diện tích 200m² thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 10m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 10m

Phía Nam giáp đất bà Đinh Thị Nh dài 20m

Phía Bắc giáp đất ông Đinh Thanh D dài 20m

3. Bà Đinh Thị Nh được sử dụng lô đất có diện tích 200m^2 thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 10m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 10m

Phía Nam giáp đất ông Đinh Xuân H dài 20m

Phía Bắc giáp đất ông Đinh Hồng Q dài 20m

4. Ông Đinh Xuân H được sử dụng lô đất có diện tích $87,5\text{m}^2$ thửa đất số (19a + 21 a). Có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 5m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 7m

Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 15m

Phía Bắc giáp đất bà Đinh Thị Nh dài 20m

5. Bà Đinh Thị T được sử dụng lô đất có diện tích 120m^2 thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 24m

Phía Tây giáp đất ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị Nh, ông Đinh Hồng Q dài 24m

Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 5m

Phía Bắc giáp đất ông Đinh Xuân H dài 5m

6. Ông Đinh Xuân H được sử dụng lô đất có diện tích 180m^2 thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 30m

Phía Tây giáp đất bà Đinh Thị T dài 24m và đất ông Đinh Hồng Q và ông Đinh Thanh D $6\text{m} = 30\text{m}$

Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 5m

Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị Mừng dài 10m

(Toàn bộ những lô đất trên có sơ đồ trích lục thửa đất kèm theo).

Thứ hai: Thửa đất có diện tích 175m^2 , đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ bà Đinh Thị H (đã chết) số G 164833 ngày 27/12/1995, số thửa 17, tờ bản đồ số 06 tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Lô đất này được các thành viên trong gia đình nhất trí để cho ông Đinh Thanh D được quyền quản lý, sử dụng, hiện tại trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4, tuy nhiên các ông, bà không đề nghị xác định quyền sử dụng đối với tài sản là nhà, mà chỉ yêu cầu xác định quyền sử dụng đất như sau:

Đông giáp đường Hai Bà Trưng dài 5,6m

Tây giáp đất bà Đinh Thị H dài 5m

Nam giáp đất bà Đinh Thị H dài 34m

Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị Lệ dài 36m

(Đất có sơ đồ trích lục kèm theo).

Thứ ba: Đối với thửa đất có diện tích 42.120m², đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ bà Đinh Thị H (đã chết) số G 164833 ngày 27/12/1995, số thửa 87a, tờ bản đồ số 04 tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Lô đất này được các thành viên trong gia đình nhất trí để cho ông Đinh Xuân H được quyền quản lý, sử dụng đất thực tế còn lại là 35.689m². Đất có sơ đồ trích lục thửa đất kèm theo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Văn H2 người được ông Nguyễn Văn H1 và bà Hà Thị H1 ủy quyền trình bày: Theo Bản án số 24/2015/DSPT ngày 22/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, thì bà Đinh Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông Hậu, bà Hiền số tiền 547.038.700 đồng. Do vậy, đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng tài sản chung của gia đình đối với phần của bà Đinh Thị T để đảm bảo việc thi hành án cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Hà Thị H1.

- Bà Đặng Thị R ủy quyền cho ông Trương Văn T1, ông T1 trình bày: Trước đây vào năm 2005, 2006 ông Đinh Thanh D có mượn của bà Đặng Thị R số tiền 392.000.000 đồng, sau đó ông D không có khả năng trả nợ nên đã gán đất nông nghiệp và đất thổ cư đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Tuy nhiên, ông D không thực hiện việc chuyển nhượng, hiện nay ông T1 và bà Đặng Thị R đang khởi kiện đòi nợ tiền đối với ông D. Ông T1 đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng tài sản cho gia đình ông D phải đảm bảo để ông D có tài sản để thi hành án, đảm bảo quyền lợi của gia đình ông.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 03/2016/QĐST-DS ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27; các Điều 35, 361, 369, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 214, 216, 224 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận đơn “Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản chung” của các ông (bà) Đinh Thanh D, Đinh Xuân H, Đinh Thị T, Đinh Thị Nh, Đinh Hồng Q đề ngày 02/6/2016 và đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung ngày 12/8/2016. Xác định quyền sử dụng tài sản cho những người yêu cầu cụ thể như sau:

Thứ nhất: Đối với lô đất thổ cư có diện tích 887,5m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 392885 do UBND huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 22/11/2004 cấp cho hộ gia đình ông Đinh Thanh D, thuộc thửa đất số 19a + 21a tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, được chia làm 6 phần như sau:

1. Ông Đinh Thanh D được sử dụng lô đất có diện tích 100m² thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 5m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 5m

Phía Nam giáp đất ông Đinh Hồng Q dài 20m

- Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị Mừng dài 20m.
2. Ông Đinh Hồng Q được sử dụng lô đất có diện tích 200m^2 thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:
- Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 10m
 - Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 10m
 - Phía Nam đất bà Đinh Thị Nh dài 20m
 - Phía Bắc đất ông Đinh Thanh D dài 20m
3. Bà Đinh Thị Nh được sử dụng lô đất có diện tích 200m^2 thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:
- Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 10m
 - Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 10m
 - Phía Nam giáp đất ông Đinh Xuân H dài 20m
 - Phía Bắc giáp đất ông Đinh Hồng Q dài 20m
4. Ông Đinh Xuân H được sử dụng lô đất có diện tích $87,5\text{m}^2$ thửa đất số (19a + 21 a). Có tứ cận như sau:
- Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 5m
 - Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 7m
 - Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 15m
 - Phía Bắc giáp đất bà Đinh Thị Nh dài 20m
5. Bà Đinh Thị T được sử dụng lô đất có diện tích 120m^2 thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:
- Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 24m
 - Phía Tây giáp đất ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị Nh, ông Đinh Hồng Q dài 24m
 - Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 5m
 - Phía Bắc giáp đất ông Đinh Xuân H dài 5m
6. Ông Đinh Xuân H được sử dụng lô đất có diện tích 180m^2 thửa đất số (19a + 21a). Có tứ cận như sau:
- Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 30m
 - Phía Tây giáp đất bà Đinh Thị T dài 24m và đất ông Đinh Hồng Q và ông Đinh Thanh D $6\text{m} = 30\text{m}$
 - Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 5m
 - Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị Mừng dài 10m
- (Toàn bộ những lô đất trên có sơ đồ trích lục thửa đất kèm theo).

Thứ hai: Đối với thửa đất có diện tích 42.120m^2 , đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ bà Đinh Thị H (đã chết). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 164833 ngày 27/12/1995, số thửa 87a, tờ bản đồ số 04, vị trí đất tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Lô đất này được các thành viên trong gia đình nhất trí để cho ông Đinh

Xuân H được quyền quản lý, sử dụng đất thực tế còn lại là 35.689m² (có sơ đồ trích lục thửa đất kèm theo).

Ngoài ra, Quyết định sơ thẩm còn tuyên về lệ phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 25/9/2016, ngày 28/9/2016, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị R, ông Nguyễn Văn H1 và bà Hà Thị H1 kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2016/QĐST-DS ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2016/QĐPT-DS ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị R do ông Trương Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền đơn đề ngày 25/9/2016.

- Chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 và bà Hà Thị H1 đơn đề ngày 28/9/2016.

Sửa Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2016/QĐST-DS ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Xác định quyền sử dụng tài sản cho những người yêu cầu ông Đinh Thanh D, ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị Nh, ông Đinh Hồng Q cụ thể như sau:

Thứ nhất: Đối với lô đất thổ cư có diện tích 887,5m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 392885 do UBND huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 22/11/2004 mang tên hộ gia đình ông Đinh Thanh D, thuộc thửa đất số 19a + 21a tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, được chia làm 6 phần như sau:

1. Ông Đinh Thanh D được sử dụng lô đất có diện tích 100m², thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 5m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 5m

Phía Nam giáp đất ông Đinh Hồng Q dài 20m

Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị Mừng dài 20m.

2. Ông Đinh Hồng Q được sử dụng lô đất có diện tích 200m², thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 10m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 10m

Phía Nam giáp đất bà Đinh Thị Nh dài 20m

Phía Bắc giáp đất ông Đinh Thanh D dài 20m.

3. Bà Đinh Thị Nh được sử dụng lô đất có diện tích 200m^2 , thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 10m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 10m

Phía Nam giáp đất ông Đinh Xuân H dài 20m

Phía Bắc giáp đất ông Đinh Hồng Q dài 20m

4. Ông Đinh Xuân H được sử dụng lô đất có diện tích $87,5\text{m}^2$, thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T dài 5m

Phía Tây giáp đường Trần Hưng Đạo dài 7m

Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 15m

Phía Bắc giáp đất bà Đinh Thị Nh dài 20m.

5. Ông Đinh Xuân H được sử dụng lô đất có diện tích 180m^2 , thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 30m

Phía Tây giáp đất bà Đinh Thị T dài 24m và đất ông Đinh Hồng Q và ông Đinh Thanh D $6\text{m} = 30\text{m}$

Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 5m

Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị Mừng dài 10m.

6. Bà Đinh Thị T được sử dụng lô đất có diện tích 120m^2 , thửa đất số (19a + 21a), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân H dài 24m

Phía Tây giáp đất ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị Nh, ông Đinh Hồng Q dài 24m

Phía Nam giáp đường Trương Quang Trọng dài 5m

Phía Bắc giáp đất ông Đinh Xuân H dài 5m

(Toàn bộ những lô đất trên có sơ đồ trích lục).

Thứ hai: Bà Đinh Thị T được quyền sử dụng diện tích 175m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số G 164833 do UBND huyện N cấp ngày 27/12/1995 cho hộ gia đình bà Đinh Thị H, sổ vào sổ 00146, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 6 tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường Hai Bà Trưng dài 5,6m.

Phía Tây giáp đất hộ gia đình bà Đinh Thị H dài 5m.

Phía Nam giáp đất hộ gia đình bà Đinh Thị H dài 34m.

Phía Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị Lệ dài 36m.

Thứ ba: Đối với thửa đất có diện tích 42.120m², đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ bà Đinh Thị H (đã chết). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 164833 ngày 27/12/1995, số thửa 87a, tờ bản đồ số 04, vị trí đất tại tổ dân phố J, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Lô đất này được các thành viên trong gia đình nhất trí để cho ông Đinh Xuân H được quyền quản lý, sử dụng đất thực tế còn lại là 35.689m² (có sơ đồ trích lục thửa đất kèm theo).

Ông Đinh Thanh D, ông Đinh Xuân H, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị Nh, ông Đinh Hồng Q được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích được xác định nêu trên.

Ngoài ra, Quyết định phúc thẩm còn tuyên về lệ phí phúc thẩm.

Ngày 01/4/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Văn bản kiến nghị số 454/STNMT-TTr ngày 22/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2016/QĐPT-DS ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/2019/KN-DS ngày 08/11/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2016/QĐPT-DS ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Quyết định phúc thẩm nêu trên và Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2016/QĐST-DS ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum; giao hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân huyện N căn cứ khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án và yêu cầu khác theo quy định của Luật Thi hành án dân sự*” để thụ lý, giải quyết yêu cầu của các đương sự nêu trong đơn theo thủ tục giải quyết việc dân sự là không đúng, bởi vì:

Theo khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định:

“1.Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho *người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất* của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì *Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất* của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án”.

Theo quy định trên, đối với việc dân sự: “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất* của người phải thi hành án trong khối tài sản chung” theo thủ tục tố tụng dân sự thì chỉ có *người được thi hành án* hoặc *Chấp hành viên* mới có *quyền yêu cầu*. Còn đối với người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất, thì họ có thể tự thỏa thuận *phân chia tài sản chung* hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, tức là yêu cầu Tòa án giải quyết *phân chia tài sản chung*; do đó trong trường hợp này, nếu có tranh chấp thì xác định là vụ án dân sự: “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*” theo quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; còn không có tranh chấp thì xác định là việc dân sự: “*Yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự*” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự; trong đó, khi thụ lý loại vụ việc này cần phải chú ý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự: “... *Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên xác định phân sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Chấp hành viên*

thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết.

Trường hợp... các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ...”.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự: “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản*” theo đơn yêu cầu của người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất là không đúng đối với quy định trên.

Mặt khác, khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý việc dân sự, quá trình giải quyết thì phát hiện tình tiết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị R đang giữ hai bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo phía bà R khai là do ông D cầm cố cho bà để vay tiền, sau đó ông D không trả được nợ nên ông D đã gán đất cho bà R, có làm giấy tay “*Bản cam kết*” do ông D viết và ký tên; lẽ ra, Tòa án cần phải làm rõ vấn đề này vì có liên quan đến tài sản là đối tượng đang được xem xét, nếu có tranh chấp thì sự việc trên không còn là việc dân sự. Từ những phân tích trên cho thấy, người yêu cầu không đúng, vụ án có vấn đề tranh chấp, Tòa án cần phải áp dụng Điều 217, Điều 361, Điều 364 Bộ luật tố tụng dân sự để ban hành Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu và trả lại đơn yêu cầu, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự có yêu cầu; đồng thời hướng dẫn đương sự nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự đối với vấn đề tranh chấp.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; từ đó, các vấn đề liên quan đến quyền sử dụng đất (đang là đối tượng xem xét) không được giải quyết triệt để, trong đó kể cả việc xử lý đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà R đang giữ, dẫn đến việc thi hành án gặp khó khăn, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra và lại tiếp tục giải quyết theo thủ tục tố tụng việc dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm và Quyết định giải quyết việc kháng cáo của Tòa án cấp phúc thẩm; giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345; Điều 348; Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2016/QĐST-DS ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum và Quyết định giải

quyết việc kháng cáo đối với Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2016/QĐPT-DS ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng tài sản*” của những người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Đinh Xuân H, ông Đinh Thanh D, bà Đinh Thị Tuyết, bà Đinh Thị Nh, ông Đinh Hồng Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, bà Hà Thị H1, bà Đặng Thị R.

2- Giao hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Tòa án nhân dân huyện N (02 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Liêm

